

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DPTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+P7+VSP01	7:25	0+5+10	0+0+0		7+2+12	0+0+0	
2		RP1+VSP01+BK10	7:25	1+19+0	0+0+0		1+19+2	0+0+0	
3		AMD+TGIH4+TTCl	9:25	18+3+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	chuyen 1 AMD H4
4		AMD+P4+BK4	9:25	8+13+0	0+0+0		4+2+13	0+0+0	
5		T.UNG	11:00	19	0		17	0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: <i>Cam-1</i>	TO: RP1 - VSP01 - BK10	CREW: VTHANG - N.ANH - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM25/5027		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LY XUÂN TRUNG	RP1	38	1	2	1	22	65	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	14	1	10	2	40	68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	21-22	2	12			58	YTE	Vietnamese
4	TRẦN ANH TUÂN	VSP01	37	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01	24	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	25	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	31	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH VĂN THÓN	VSP01						74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	32	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG QUAN	VSP01	26	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	15-16	2	7			68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	23	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	20	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	27	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP01	30	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN KIM	VSP01	33	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	19	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	36	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
19	LE HAI NAM	VSP01	28-29	2	16			93	KH-THAC	Vietnamese
20	LE XUÂN HÀ	VSP01	17-18	2	17			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	1	65	1	2	1	22	1		
2	VSP01	19	1.319	22	120	2	40	19		
3	BK10	0	0	0	0	3	48	2		
TOTAL		20	1.384	23	122	6	110	22		
WEIGHT KG			1.384		122		110			

GRAND TOAL: 1.616 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PVD8 - P7 - VSP01	CREW: NAM - DƯƠNG - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/5025	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	P7	45-46	2	16			78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ BA HOA	P7	43	1	16	1	13	72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	P7	47	1	11	4	65	77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KHIÊM TRI	P7	48	1	7	1	4	75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HOANG	P7	49	1	15			68	KH-THAC	Vietnamese
6	CHERNYSHEV VITALY	VSP01	56	1	10			114	KH-THAC	Russian
7	VÕ QUANG HUY	VSP01	66	1	6	1	17	78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG THANH PHU	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	64	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	65	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	57	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRỌNG CHUNG *	VSP01	60	1	4	3	42	83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	54	1	14	1	15	88	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	58	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN DUY BÌNH	VSP01	59	1	5			92	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	0	0	0	0	0	0	7		
2	P7	5	370	6	65	6	82	2		
3	VSP01	10	825	9	65	5	74	12		
TOTAL		15	1.195	15	130	11	156	21		
WEIGHT KG			1.195		130		156			

GRAND TOAL: 1.481 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

TRẦN HỒNG NAM
BÙI HOÀNG DƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: AMD - TGTH4 - TTC1	CREW: NAM - DUONG - MQUAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/5026	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUONG NHAT QUANG	AMD	63	1	9	1	6	62	BAB	Vietnamese
2	NGUYEN VAN AN	AMD	51	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	57	1	4			92	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TAN	AMD	64	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DINH HIEU	AMD	50	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SON	AMD	53	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRAN LIEM	AMD	48	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAN	AMD	52	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	55	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG LINH	AMD	59	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
11	TANG XUAN HAI*	AMD	49	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU THAO	AMD	58	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THU	AMD	56	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
14	VU NGOC DUONG	AMD	60-61	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TA MANH HUNG	AMD	46	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
16	VU XUAN ĐỨC	AMD	44-45	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN QUYET	AMD	54	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH CAN	AMD	47	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
19	LE THANH DANH	TGTH4	21-22	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
20	VI TRAN TAN THUAN	TGTH4	19-20	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐANG NHAN ĐỨC	TGTH4	23	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	18	1.253	20	108	1	6	16+		CHUYEN 1 PAX AMD-TGTH4
2	TGTH4	3	203	5	28	0	0	4		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.456	25	136	1	6	22		
WEIGHT KG			1.456		136		6			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
BUI HOANG DUONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:AMD - P4 - BK4	CREW: VTHANG - N.ANH - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/5028	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CAO VĂN DŨNG	AMD	11	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO THANH SẮC	AMD	08	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG VIỆT	AMD	09-10	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH SANG	AMD	07	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HỮU QUYẾT	AMD	01-02	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VIỆT BÌNH	AMD	03	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CAO TĂNG	AMD	05-06	2	8			77	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ DUYỀN	AMD	04	1	7			66	PSV	Vietnamese
9	VI ĐỨC TŨ	P4	68	1	8			68	TRƯỜNG V	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN LUYỆN	P4	72	1	7			73	TRƯỜNG V	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	71	1	8	3	50	56	TRƯỜNG V	Vietnamese
12	LÊ VĂN TÂN	P4	76	1	8			62	TRƯỜNG V	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DŨNG	P4	79-80	2	14			78	TRƯỜNG V	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUANG	P4	77-78	2	14			66	TRƯỜNG V	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NĂNG	P4	69	1	6			56	TRƯỜNG V	Vietnamese
16	NGUYỄN THỊ KHÔI	P4	70	1	6			65	TRƯỜNG V	Vietnamese
17	NGÔ HỒNG KHANH	P4	73	1	4			57	TRƯỜNG V	Vietnamese
18	NGUYỄN THUẬN THANH	P4	66	1	5			62	TRƯỜNG V	Vietnamese
19	TRƯỜNG QUỐC VINH*	P4	67	1	8			82	TRƯỜNG V	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC THO	P4	74	1	8			64	TRƯỜNG V	Vietnamese
21	LAM VĂN VINH A	P4	75	1	6			62	TRƯỜNG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	8	571	11	68	0	0	4		
2	P4	13	851	15	102	3	50	2		
3	BK4	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		21	1.422	26	170	3	50	19		
WEIGHT KG			1.422		170		50			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
B.CARD: TRANG-3	TO: T.UNG	CREW: HHAI - TTRUNG	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/5018	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUU THE ANH	T.UNG	63	1	5	2	37	75	KH-THAC	Vietnamese
2	FEDORCHENKO V.D.*	T.UNG	67-68	2	11	1	10	82	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	55	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ MINH DƯƠNG	T.UNG	56	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VŨ QUYÊN	T.UNG	64	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	61	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DUY DUNG	T.UNG	54	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TIEN VINH	T.UNG	49	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC TOAN	T.UNG	57	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
10	KHÔNG THAI BÌNH*	T.UNG	50	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	58-59	2	15			66	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG						67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	52	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUÂN	T.UNG	48	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN BẢNG	T.UNG	65-66	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TRỌNG HÙNG	T.UNG	51	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	62	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TUNG	T.UNG	60	1	5			67	GETRACO	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	T.UNG	53	1	6			83	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	19	1.328	21	116	3	47	17		
TOTAL		19	1.328	21	116	3	47	17		
WEIGHT KG			1.328		116		47			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐỖ HOÀNG HẢI
NGUYỄN THÀNH TRUNG